



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 4, Toà nhà H3, 384 Hoàng Diệu - Q.4 - Tp. Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 02-DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÍ 3 NĂM 2009



Đơn vị tính : VNĐ

	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	497,049,694,876	409,878,689,369	1,120,298,448,432	800,933,465,171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33,273,068	-	35,384,497	386,730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		497,016,421,808	409,878,689,369	1,120,263,063,935	800,933,078,441
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	460,165,952,951	308,181,040,666	1,087,060,798,454	633,161,297,810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36,850,468,857	101,697,648,703	33,202,265,481	167,771,780,631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	22,746,827,789	21,225,805,885	106,382,288,181	69,215,876,725
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	13,136,717,226	41,727,180,691	74,812,400,495	82,135,741,185
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		11,932,204,608	37,888,822,023	64,416,629,122	74,635,321,731
8. Chi phí bán hàng	24		1,011,996,436	156,984,239	2,954,823,549	776,938,594
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19,971,781,237	24,041,407,028	58,725,790,094	52,279,347,045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		25,476,801,747	56,997,882,630	3,091,539,524	101,795,630,532
11. Thu nhập khác	31		604,129,935	88,558,233	2,024,436,137	94,287,220
12. Chi phí khác	32		9,892,352	302	131,639,854	600,302
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		594,237,583	88,557,931	1,892,796,283	93,686,918
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26,071,039,330	57,086,440,561	4,984,335,807	101,889,317,450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	11,732,720,276	17,380,611,270	17,845,752,703	30,415,441,409
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14,338,319,055	39,705,829,291	(12,861,416,896)	71,473,876,041
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61		(11,076,688,656)	3,017,624,896	(12,946,634,583)	11,756,979,230
Cổ đông Công ty mẹ	62		25,415,007,711	36,688,204,395	85,217,687	59,716,896,811
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		172	510	1	829

Lập, Ngày 22 tháng 10 Năm 2009

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Đình Hiếu

Nguyễn Thị Kim Anh



Tạ Đức Tiến